

TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIẾP CẬN PHÂN TÍCH THƯ MỤC

OVERVIEW OF SUSTAINABLE DEVELOPMENT RESEARCH IN UNIVERSITIES
APPROACHING BIBLIOMETRIC ANALYSIS

Trần Thị Kim Ngọc^{1,*},
Đặng Ngọc Hùng¹, Nguyễn Văn Linh¹

DOI: <http://doi.org/10.57001/huiv5804.2025.232>

TÓM TẮT

Các mục tiêu phát triển bền vững (SDG) là lời kêu gọi toàn cầu nhằm bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu, xóa đói giảm nghèo và đảm bảo tiếp cận chất lượng cuộc sống cao và thịnh vượng cho tất cả mọi người. Bài viết này nhằm mục đích xem xét các trường đại học quan tâm đến SDG thông qua phân tích thư mục từ năm 2015 đến năm 2024, cung cấp cái nhìn sâu sắc về sự phát triển và trưởng thành của nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực này. Cơ sở dữ liệu trích dẫn bộ sưu tập cốt lõi của Scopus đã được sử dụng cho phân tích thư mục, được thực hiện bằng VOSviewer. Chúng tôi đã phân tích 382 bài báo viết bằng tiếng Anh để đánh giá tình hình tiến triển hiện tại, cũng như những thách thức và cơ hội SDG. Nghiên cứu này sử dụng nhiều phương pháp khác nhau bao gồm phân tích từ khóa, các nhà nghiên cứu năng suất và các tạp chí. Kết quả cho thấy 35,9% năng suất nghiên cứu liên quan đến SDG trong các trường đại học có nguồn gốc từ Tây Ban Nha, Brazil và Vương quốc Anh, với mức trích dẫn trung bình cho mỗi bài báo là 28,1. Bằng cách thúc đẩy sự hiểu biết về chủ đề này, nghiên cứu này có tiềm năng cung cấp thông tin và hướng dẫn các nỗ lực trong tương lai nhằm thúc đẩy phát triển bền vững. Các phát hiện cho thấy sự tập trung nghiên cứu và phát triển vào SDG trong các trường đại học ở các nước phát triển hơn là ở các nước đang phát triển và kém phát triển.

Từ khóa: Trường đại học; phát triển bền vững; phân tích trắc lượng; VOSviewer.

ABSTRACT

The Sustainable Development Goals (SDGs) are a global call to protect the environment, combat climate change, eradicate poverty, and ensure access to a high quality of life and prosperity for all. This article aims to examine universities that are interested in the SDGs through bibliometric analysis from 2015 to 2024, providing insights into the development and maturity of scientific research in this field. The Scopus Core Collection Citation Database was used for the bibliometric analysis, which was performed using VOSviewer. We analyzed 382 articles written in English to assess the current state of progress, as well as the challenges and opportunities of the SDGs. This study used a variety of methods, including keyword analysis, researcher productivity, and journals. The results show that 35.9% of the research productivity related to SDGs in universities originates from Spain, Brazil, and the UK, with an average citation per article of 28.1. By promoting understanding of this topic, this study has the potential to inform and guide future efforts to promote sustainable development. The findings suggest that research and development on SDGs is more concentrated in universities in developed countries than in developing and least developed countries.

Keywords: Universities; sustainable development; biometric analysis; VOSviewer

¹Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

*Email: ngocttk@hauai.edu.vn

Ngày nhận bài: 03/3/2025

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 15/4/2025

Ngày chấp nhận đăng: 28/6/2025

1. GIỚI THIỆU

Trong bối cảnh toàn cầu hiện nay, phát triển bền vững không chỉ là một xu hướng mà còn là yêu cầu cấp bách đối với mọi lĩnh vực, trong đó giáo dục đại học giữ vai trò quan trọng trong việc đào tạo nguồn nhân lực có khả năng tiếp thu và ứng dụng các tri thức, kỹ năng phát triển bền vững vào thực tiễn. Các trường đại học không chỉ là trung tâm nghiên cứu khoa học mà còn là nơi khởi nguồn của các sáng kiến, mô hình phát triển mới, góp phần giải quyết các vấn đề môi trường, kinh tế và xã hội.

Trong những năm gần đây, với sự bùng nổ của các công cụ phân tích dữ liệu và phương pháp trắc lượng thư mục, các nghiên cứu về phát triển bền vững đã có nhiều bước tiến đáng kể. Phương pháp trắc lượng thư mục giúp hệ thống hóa thông tin từ các bài báo khoa học, từ đó đưa ra các xu hướng, mối quan hệ giữa các tác giả, từ khóa và chủ đề nghiên cứu. Qua đó, các trường đại học có thể định hướng phát triển, tối ưu hóa hoạt động nghiên cứu và tăng cường hợp tác khoa học. Mặc dù nhiều nghiên cứu trắc lượng thư mục đã được tìm thấy trong lĩnh vực nghiên cứu mục tiêu phát triển bền vững (SDG), hầu hết trong số chúng tập trung vào các chuyên ngành cụ thể, chẳng hạn như SDG và khu vực kinh doanh [1], giáo dục [2, 3] và một số ít nghiên cứu trắc lượng thư mục đề cập đến các khía cạnh chung của SDG và sự phát triển của nó. Tuy nhiên, một số nghiên cứu trắc lượng thư mục thú vị về xu hướng SDG đáng được đề cập liên quan đến các trường Đại học. Vì vậy, mục tiêu của nghiên cứu này là tiến hành phân tích thư mục các bài đánh giá tài liệu về SDG từ năm 2015 đến năm 2024 với các mục tiêu của bài báo là tổng quan các nghiên cứu đã được công bố về phát triển bền vững trong các trường đại học, từ đó làm rõ xu hướng nghiên cứu, những đóng góp lý thuyết cũng như những hạn chế cần khắc phục. Đặc biệt, việc ứng dụng phương pháp trắc lượng thư mục trong phân tích không chỉ mang lại cái nhìn khách quan về mối liên hệ giữa các nghiên cứu mà còn cho phép xác định các khoảng trống, từ đó đề xuất hướng nghiên cứu mới. Bài báo sẽ trả lời các câu hỏi:

(1) Các xu hướng nghiên cứu phát triển bền vững trong các trường đại học đã được công bố như thế nào?

(2) Các tác giả và từ khóa chủ đạo trong lĩnh vực này là gì?

(3) Những khoảng trống nghiên cứu hiện có là gì và cần có những hướng đi nào trong tương lai?

Trong bài báo này, chúng tôi sử dụng phương pháp phân tích trắc lượng thư mục và phân tích nội dung theo chủ đề, thông qua xem xét tài liệu nghiên cứu về đo lường chất lượng kiểm toán. Phân tích thư mục là một phương pháp định lượng mà chúng tôi sử dụng để phân tích một

số lượng lớn các nghiên cứu đo lường chất lượng kiểm toán và phát hiện ra các xu hướng mới nổi trong việc phát hiện đo lường chất lượng kiểm toán. Cách tiếp cận này phù hợp với hướng dẫn được trình bày trong nghiên cứu [4] và phần mềm chúng tôi sử dụng là VOSviewer.

Dựa trên mục tiêu nghiên cứu đã nêu, chúng tôi hy vọng đóng góp vào tổng quan tài liệu một bức tranh toàn cảnh nghiên cứu về đo lường chất lượng kiểm toán bằng số liệu thống kê và phân tích theo chủ đề. Sau phần giới thiệu, trong phần 2, chúng tôi cung cấp nền tảng lý thuyết và các khía cạnh đo lường chất lượng kiểm toán. Phần 3 mô tả phương pháp nghiên cứu và phương pháp xử lý dữ liệu. Phần 4 trình bày các kết quả nghiên cứu và thảo luận về chúng. Trong phần 5, chúng tôi kết luận những phát hiện và hạn chế và hướng nghiên cứu tiếp theo.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

Phát triển bền vững là một mô hình phát triển toàn diện, hướng tới việc đáp ứng các nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại khả năng của các thế hệ tương lai trong việc đáp ứng nhu cầu của họ. Mục tiêu Phát triển Bền vững (Sustainable Development Goals - SDGs), khái niệm này bao gồm ba trụ cột chính:

Kinh tế: Tăng trưởng kinh tế bền vững, tạo ra cơ hội việc làm và giảm nghèo, nhằm đảm bảo một nền kinh tế ổn định, năng động và có khả năng cung cấp nguồn lực để đầu tư vào các lĩnh vực khác.

Xã hội: Đảm bảo công bằng xã hội, bình đẳng giới, tiếp cận giáo dục và y tế chất lượng, cũng như tạo ra một môi trường an toàn và bình đẳng cho mọi người.

Môi trường: Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu ô nhiễm, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo tồn đa dạng sinh học, nhằm đảm bảo một môi trường trong lành và bền vững cho cả hiện tại và tương lai.



Hình 1. 17 mục tiêu phát triển bền vững

Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua Nghị quyết về “Chuyển đổi thế giới của chúng ta: Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững”. Chương trình nghị sự

nêu ra 17 SDG và các mục tiêu và chỉ số cụ thể cho từng mục tiêu. Trong số 17 SDG do Liên hợp quốc xác định, tổng cộng có 169 mục tiêu và 213 chỉ số tạo thành một kế hoạch hành động toàn cầu của Liên hợp quốc. Hơn nữa, Chương trình nghị sự đã thiết lập năm lĩnh vực có tầm quan trọng đặc biệt được gọi là năm trụ cột (5Ps, planet, prosperity, people, peace, and partnership) bao gồm: hành tinh, thịnh vượng, con người, hòa bình và quan hệ đối tác [5].

Bảng 1. Mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc

Mục tiêu	Tiêu đề	Số mục tiêu	Số chỉ số	Phân loại
1	Không còn nghèo đói - Chấm dứt đói nghèo dưới mọi hình thức ở khắp mọi nơi.	7	13	Con người
2	Không còn nạn đói - Đảm bảo an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy nông nghiệp bền vững.	8	13	Con người
3	Sức khỏe và phúc lợi tốt - Đảm bảo sức khỏe và phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi.	13	28	Con người
4	Giáo dục chất lượng - Đảm bảo giáo dục toàn diện, công bằng và chất lượng cho mọi người.	10	12	Con người
5	Bình đẳng giới - Đạt được bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái.	9	14	Con người
6	Nước sạch và vệ sinh - Đảm bảo việc tiếp cận nước sạch và hệ thống vệ sinh bền vững.	8	11	Con người, Hành tinh
7	Năng lượng sạch và giá cả phải chăng - Đảm bảo mọi người được tiếp cận năng lượng an toàn, bền vững và hiện đại.	5	6	Thịnh vượng, Hành tinh
8	Việc làm tốt và tăng trưởng kinh tế - Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, tạo ra việc làm và đảm bảo môi trường làm việc an toàn.	12	16	Thịnh vượng, Con người
9	Công nghiệp, đổi mới và cơ sở hạ tầng - Xây dựng cơ sở hạ tầng bền vững, thúc đẩy công nghiệp hoá và đổi mới sáng tạo.	8	12	Thịnh vượng
10	Giảm bất bình đẳng - Giảm bất bình đẳng trong và giữa các quốc gia.	10	14	Thịnh vượng, Con người
11	Thành phố và cộng đồng bền vững - Tạo dựng các thành phố và khu định cư bền vững, an toàn và có sức chống chịu với biến đổi khí hậu.	10	15	Thịnh vượng

12	Sản xuất và tiêu dùng có trách nhiệm - Thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững.	11	13	Hành tinh
13	Hành động vì khí hậu - Hành động khẩn cấp để chống biến đổi khí hậu và giảm thiểu tác động của nó.	5	8	Hành tinh
14	Cuộc sống dưới nước - Bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương, biển và tài nguyên biển.	10	10	Hành tinh
15	Cuộc sống trên cạn - Bảo vệ, phục hồi và thúc đẩy việc sử dụng bền vững các hệ sinh thái trên cạn.	12	14	Hành tinh
16	Hòa bình, công lý và thể chế vững mạnh - Xây dựng các xã hội hòa bình, công bằng và đảm bảo sự hiệu quả của các thể chế.	12	14	Hành tinh
17	Đối tác vì mục tiêu - Tăng cường các đối tác toàn cầu để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.	16	24	Quan hệ đối tác

3. PHƯƠNG PHÁP VÀ DỮ LIỆU NGHIÊN CỨU

Phương pháp trắc lượng thư mục

Phân tích thư mục là một kỹ thuật thống kê được áp dụng để kiểm tra sản phẩm khoa học trong một lĩnh vực nghiên cứu. Nó cho phép nghiên cứu sự phát triển của kiến thức về một chủ đề nhất định trong một khoảng thời gian nhất định dựa trên dữ liệu công bố [6]. Nó kết hợp hai thủ tục chính: (i) phân tích hiệu suất và (ii) lập bản đồ khoa học. Phân tích hiệu suất được thiết lập trên các chỉ số cung cấp dữ liệu về số lượng và tác động của nghiên cứu thông qua việc áp dụng một số kỹ thuật, như phân tích trích dẫn, đếm ấn phẩm, phân tích tần suất từ theo đơn vị phân tích [7].

Bản đồ khoa học là biểu diễn đồ họa về cách các yếu tố khoa học khác nhau (lĩnh vực kiến thức, tài liệu hoặc tác giả) có mối quan hệ với nhau. Nó cho thấy tác động, cấu trúc và tổ chức động của một chủ đề kiến thức, một lĩnh vực nghiên cứu, một nhóm các nhà nghiên cứu hoặc một tài liệu, dựa trên các chỉ số quan hệ [1, 8]. Bản đồ khoa học cho phép tìm hiểu sâu sắc về các mô hình của một lĩnh vực kiến thức vốn khó xác định bằng các phương pháp đánh giá nghiên cứu truyền thống [2]. Hơn nữa, phân tích bản đồ khoa học có thể được sử dụng để hiển thị hoặc khám phá một số yếu tố chính vô hình trong một lĩnh vực quan tâm cụ thể [9]. Trong nghiên cứu này, một khuôn khổ đã được giới thiệu kết hợp các kỹ thuật phân tích thư mục như tần số từ, phân tích từ đồng nghĩa và phân tích quyền đồng tác giả với phương pháp tiềm ẩn. Phương pháp mô hình hóa chủ đề được sử dụng để khám

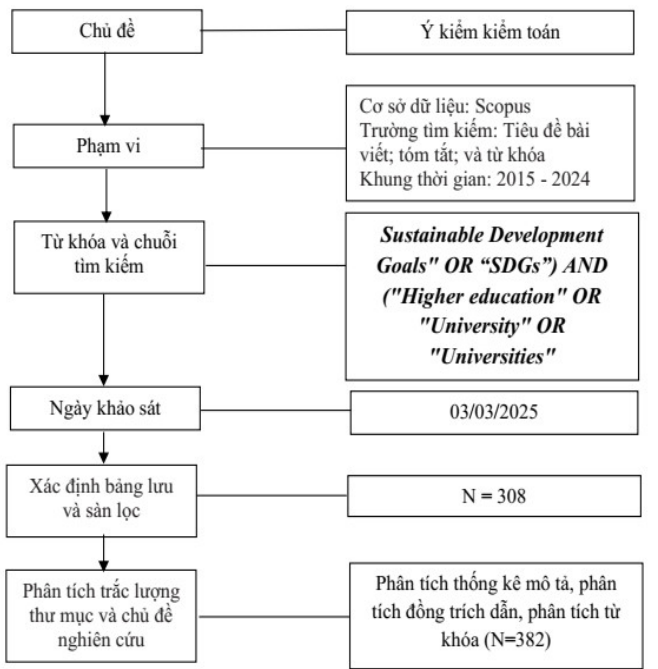
phá các chủ đề từ tiêu đề, từ khóa, tóm tắt từ các nghiên cứu về trong 10 năm qua.

Nguồn dữ liệu và phương án tìm kiếm

Phân tích trắc lượng thư mục được thực hiện bằng cách sử dụng cơ sở dữ liệu *Scopus* kể từ năm 2015 đến 2024. ("**Sustainable Development Goals**" OR "**SDGs**") AND ("**Higher education**" OR "**University**" OR "**Universities**") là cụm từ tìm kiếm có trong tiêu đề, từ khóa của bài báo được sử dụng để tìm kiếm các bài báo liên quan đã xuất bản bằng Tiếng Anh liên quan đến nghiên cứu về chủ đề về SDG và trường đại học. Nghiên cứu [10, 11] cho rằng, tiêu đề của bài báo là yếu tố đầu tiên mà người đọc sẽ quan sát. Tuy nhiên, để mở rộng phạm vi tìm kiếm tác giả lựa chọn phạm vi tìm kiếm theo tiêu đề bài báo, tóm tắt và các từ khóa liên quan trong trường tìm kiếm tài liệu thuộc trang chủ **Scopus**. Nó đại diện cho chủ đề liên quan có ý nghĩa với lĩnh vực nghiên cứu và mục tiêu của nghiên cứu.

Hình 1 trình bày sơ đồ tìm kiếm của nhóm tác giả. Trong nghiên cứu này, tất cả các tài liệu đã được phân tích thư mục. Nhóm tác giả đã sử dụng (i) *Microsoft Excel* 2019 để tính toán tần suất và tỷ lệ phần trăm của các tài liệu đã xuất bản và để tạo các biểu đồ và đồ thị có liên quan; (ii) *VOSviewer* (phiên bản 1.6.19 để tạo và trực quan hóa các mạng thư mục, cụm từ. Nhóm tác giả đã loại trừ các loại tài liệu bị chỉnh sửa và rút lại để tránh việc đếm tài liệu trùng lặp hoặc đếm sai.

Khai thác thông tin



Hình 2. Sơ đồ tìm kiếm

Dữ liệu nghiên cứu

Tổng cộng có 382 tài liệu được xác định từ cơ sở dữ liệu *Scopus* dựa trên loại tài liệu và loại nguồn. Loại tài liệu có thể là bài báo, bài báo đánh giá, sách, chương sách. Bảng 1 tóm tắt cấu trúc của các danh mục theo từng loại tài liệu. Tài liệu gốc chiếm tỷ lệ 64,1% (245 bài) tổng số tài liệu đã xuất bản, tiếp theo là chương sách (79 bài, 20,7%), các bài báo hội thảo, chiếm tỷ lệ 11,8% (45 bài) và cuối cùng là các bài nghiên cứu tổng quan chiếm tỷ lệ 3,4% (13 bài).

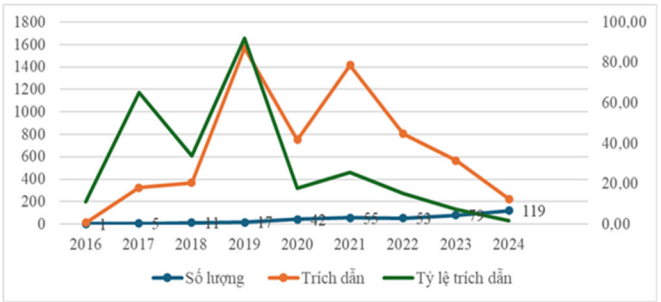
Bảng 2. Tổng hợp dữ liệu được truy xuất

Loại tài liệu	Tổng nghiên cứu	Tỷ lệ (%)
Bài báo	245	64,1
Chương sách	79	20,7
Bài báo hội thảo	45	11,8
Tổng quan	13	3,4
Tổng cộng	382	100

4. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

4.1. Thống kê mô tả

Thống kê các nghiên cứu dựa trên năm xuất bản giúp nhà nghiên cứu quan sát mô hình phát triển và mức độ phổ biến của đối tượng nghiên cứu theo thời gian [12]. Số lượng nghiên cứu đã tăng lên đáng kể trong giai đoạn 2015 - 2024, năm 2015 không có bài nào, năm 2016 có 1 bài, năm 2023 đã tăng lên 79 bài và đến năm 2024 đã có 119 bài được công bố liên quan đến chủ đề SDG trong các trường đại học. Số lượng trích dẫn và tỷ lệ trích dẫn cao nhất là năm 2019 (hình 3).



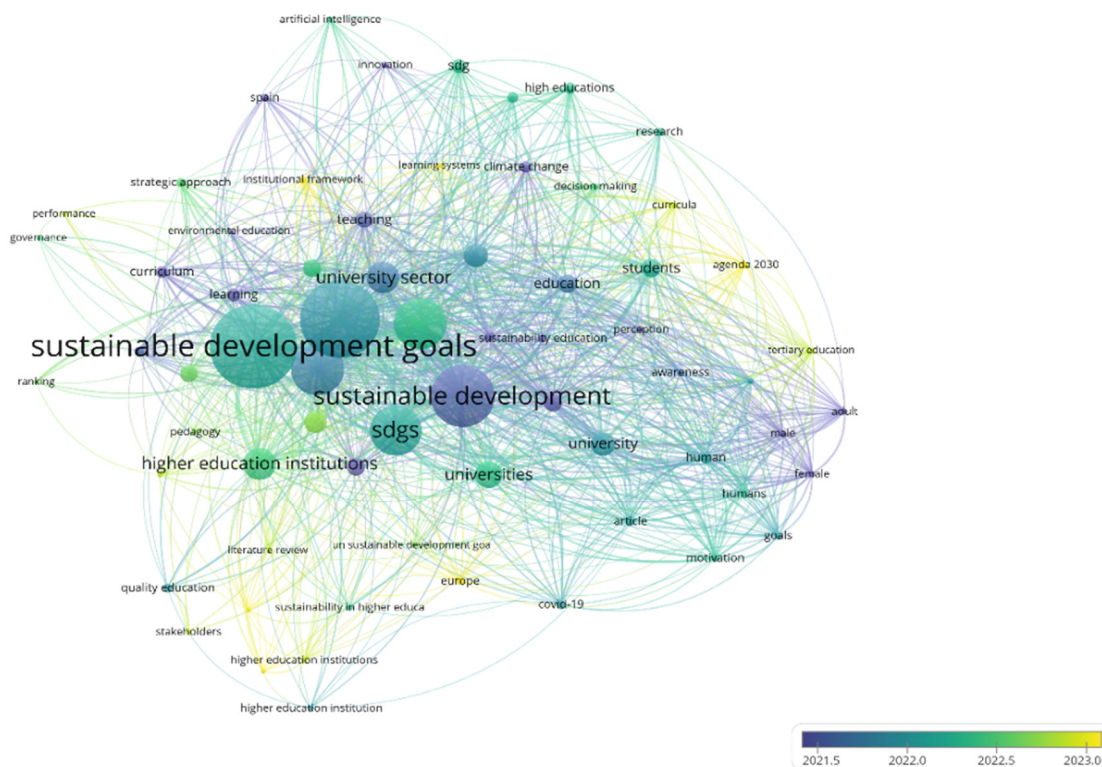
Hình 3. Biểu đồ số lượng nghiên cứu từng năm

4.2. Kết quả nghiên cứu

Lập bản đồ bằng kỹ thuật *VOSviewer* của từ khóa tác giả với số lần xuất hiện tối thiểu là 10 cho thấy rằng những từ khóa như phát triển bền vững, giảng dạy, học tập, tri thức, động lực, ra quyết định, biến đổi khí hậu, sự nhận thức, bên liên quan là những từ khóa tác giả gặp nhiều nhất sau loại trừ các từ khóa chủ yếu liên quan đến truy vấn tìm kiếm (hình 4). Các hình tròn trong cùng một cụm

màu gợi ý một chủ đề tương tự giữa các nghiên cứu. Mỗi hình tròn đại diện cho một lĩnh vực con của lĩnh vực nghiên cứu.

dạy; Cụm 3 các chủ đề liên quan đến ra quyết định; hệ thống học tập; lập kế hoạch; giáo dục chất lượng; cụm 4 là các chủ đề về chương trình nghị sự 2030; trí tuệ nhân



Hình 4. Trực quan hóa mạng lưới các từ khóa

Bảng 3. Tổng hợp dữ liệu được truy xuất

Cụm	Số từ khóa	Từ khóa
1	6	awareness; female; human experiment; male; motivation; perception
2	9	curricula; environmental education; knowledge; learning; pedagogy; ranking; stakeholder; strategic approach; teaching
3	4	decision making; learning systems; planning; quality education
4	4	2030 agenda; artificial intelligence; governance; institutional framework; performance
5	4	climate change; education; innovation; research

Trên cơ sở các từ khóa liên quan, sử dụng phân tích cụm, có thể các chủ đề liên quan đến, có thể nhóm thành 5 cụm (bảng 3). Cụm 1, gồm các chủ đề liên quan đến nhận thức; nữ; thí nghiệm trên người; nam; động lực; nhận thức; cụm 2 là chủ đề về chương trình giảng dạy; giáo dục môi trường; kiến thức; học tập; sự phạm; xếp hạng; bên liên quan; cách tiếp cận chiến lược; giảng

tạo; quản trị; khuôn khổ thể chế; hiệu suất và cụm 5 liên quan đến các chủ đề biến đổi khí hậu; giáo dục; đổi mới; nghiên cứu.

Các chủ đề của 5 bài báo được trích dẫn hàng đầu trong lĩnh vực được trình bày trong bảng 4. Bài báo nhận được trích dẫn cao nhất, "*Mục tiêu phát triển bền vững và giảng dạy về tính bền vững tại các trường đại học: Tự hậu hay dẫn đầu?*" đã được xuất bản trên tạp chí Journal of Cleaner Production năm 2019 đã nhận được tổng cộng 445 trích dẫn và là bài báo có ảnh hưởng nhất dựa trên trích dẫn mỗi năm (89,00 trích dẫn/năm).

Các nhà nghiên cứu từ 91 quốc gia khác nhau đã đóng góp vào việc xuất bản các tài liệu được truy xuất từ năm 2015 đến năm 2024. 10 quốc gia hàng đầu đóng góp cho các nghiên cứu được liệt kê trong bảng 5. Tây Ban Nha đứng đầu với tổng số 64 nghiên cứu (tỷ lệ trích dẫn 24,63/bài), tiếp theo là Brazil đã công bố xuất bản 37 (tỷ lệ trích dẫn 26,65). Mặc dù, Đức có số lượng bài công bố chỉ đứng thứ 7, nhưng tỷ lệ trích dẫn là cao nhất, trung bình 42,67/bài.

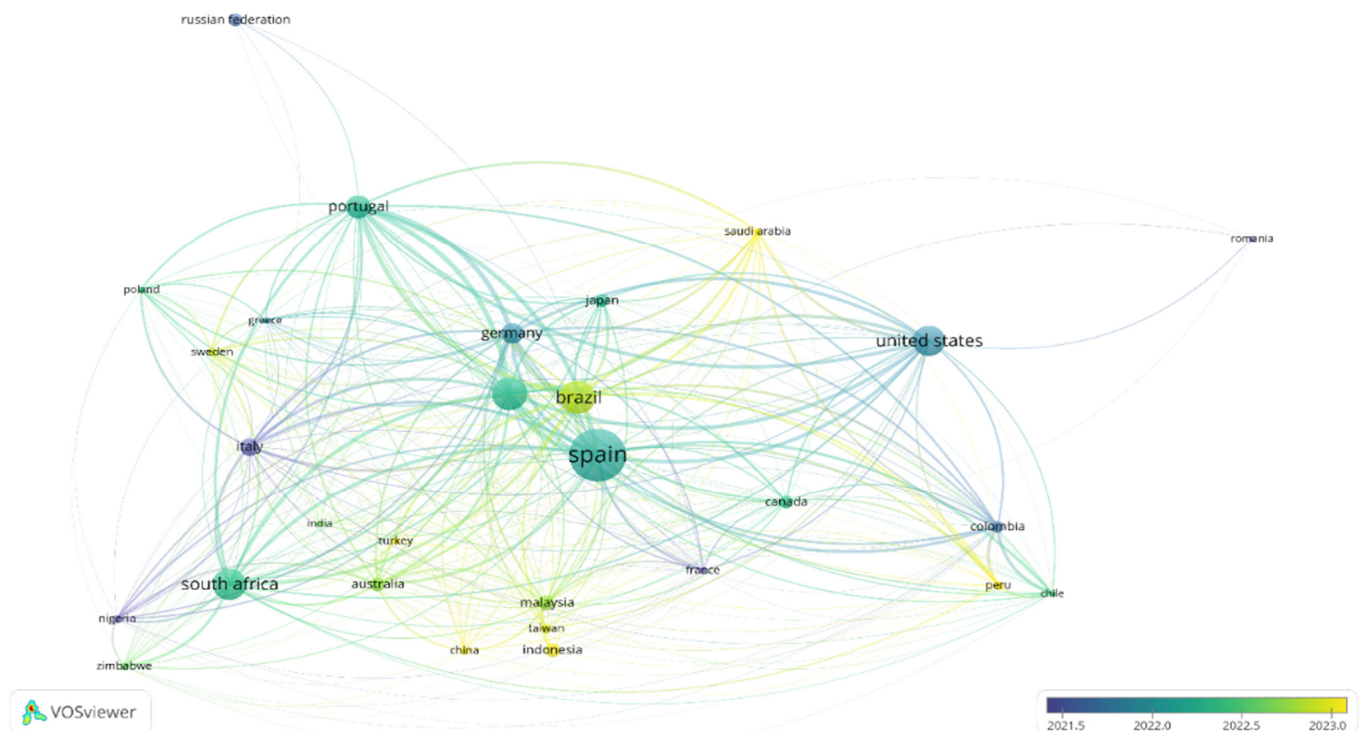
Bản đồ trực quan hóa mạng lưới hợp tác quốc tế giữa các quốc gia với năng suất tối thiểu 10 nghiên cứu như

Bảng 4. Tổng hợp 5 nghiên cứu có số lượng trích dẫn nhiều nhất

STT	Tác giả	Tên bài báo	Năm	Tạp chí	Trích dẫn	Trích dẫn/năm
1	Leal Filho W.; Shiel C.; Paço A.; Mifsud M.; Ávila L.V.; Brandli L.L.; Molthan-Hill P.; Pace P.; Azeiteiro U.M.; Vargas V.R.; Caeiro S.	Sustainable Development Goals and sustainability teaching at universities: Falling behind or getting ahead of the pack?	2019	Journal of Cleaner Production	445	89,00
2	Purcell W.M.; Henriksen H.; Spengler J.D.	Universities as the engine of transformational sustainability toward delivering the sustainable development goals: "Living labs" for sustainability	2019	International Journal of Sustainability in Higher Education	248	49,60
3	Owens T.L.	Higher education in the sustainable development goals framework	2017	European Journal of Education	205	29,29
4	Albareda-Tiana S.; Vidal-Raméntol S.; Fernández-Morilla M.	Implementing the sustainable development goals at University level	2018	International Journal of Sustainability in Higher Education	175	29,17
5	Zamora-Polo F.; Sánchez-Martín J.	Teaching for a better world. Sustainability and Sustainable Development Goals in the construction of a change-maker university	2019	Sustainability (Switzerland)	170	34,00

thể hiện trên hình 5. Độ dày của đường nối giữa hai quốc gia bất kỳ cho thấy sức mạnh của sự hợp tác. Các quốc gia có màu tương tự tạo thành một cụm. Cụ thể, các quốc gia có màu xanh lá như Tây Ban Nha, Brazil và Saudi Arabia.

đọc, đặc biệt là cho phần tổng quan lý thuyết, khi các tạp chí tập trung vào nghiên cứu đã được xác định. Bảng 6 cho thấy các tạp chí có nhiều xuất bản nhất về và tạp chí có tỷ lệ trích dẫn cao nhất, cụ thể tạp chí Sustainability mặc dù có số lượng bài công bố nhiều nhất là 48 bài, tuy



Hình 5. Trục quan mạng lưới các quốc gia

Biết được những tạp chí xuất bản nhiều các nghiên cứu về là rất quan trọng, điều này giúp các nhà nghiên cứu giảm thời gian tìm kiếm để chọn ra các tạp chí cần

nhiên tỷ lệ trích dẫn bình quân là 32,71/bài. Trong khi đó, tạp chí Journal Of Cleaner Production số lượng bài báo công bố có liên quan đến chủ đề là 8 bài, nhưng số lượng trích dẫn bình quân cao nhất đạt 123,63/bài.

Bảng 5. Tổng hợp 10 quốc gia có số lượng nghiên cứu nhiều nhất

STT	Quốc gia	Số lượng	Tỷ trọng	Trích dẫn	Tỷ lệ trích dẫn
1	Spain	64	16,8%	1576	24,63
2	Brazil	37	9,7%	986	26,65
3	United Kingdom	36	9,4%	1189	33,03
4	South Africa	34	8,9%	460	13,53
5	United States	33	8,6%	618	18,73
6	Portugal	24	6,3%	1000	41,67
7	Germany	21	5,5%	896	42,67
8	Italy	17	4,5%	540	31,76
9	Malaysia	14	3,7%	146	10,43
10	Australia	13	3,4%	210	16,15

Bảng 6. Tổng hợp 10 tạp chí có số lượng nghiên cứu nhiều nhất

STT	Tạp chí/ Kỷ yếu	Số lượng	Trích dẫn	Tỷ lệ trích dẫn
1	Sustainability (Switzerland)	48	1570	32,71
2	International Journal of Sustainability in Higher Education	46	1083	23,54
3	World Sustainability Series	21	103	4,90
4	Sustainable Development Goals Series	17	184	10,82
5	E3s Web of Conferences	11	65	5,91
6	Journal of Cleaner Production	8	989	123,63
7	Higher Education	5	143	28,60
8	Journal of Lifestyle and Sdg's Review	5	5	1,00
9	Sustainable Development	5	35	7,00
10	Discover Sustainability	4	74	18,50

5. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Nghiên cứu này nhằm mục đích xem xét các tài liệu nghiên cứu liên quan đến việc phát hiện từ năm 2015 đến năm 2024. Nghiên cứu đã được trích xuất từ cơ sở dữ liệu Scopus, sau khi sàng lọc các nghiên cứu, chúng tôi đã chọn ra 382 nghiên cứu để phân tích. Để phân tích tài liệu về SDG trong các trường Đại học. Nghiên cứu này đã tổng hợp và phân tích các bài báo khoa học liên quan đến phát triển bền vững trong các trường đại học thông qua phương pháp trắc lượng thư mục. Qua đó, các kết quả chính cho thấy: (i) Xu hướng nghiên cứu về phát triển bền vững tại các trường đại học đang có sự tăng trưởng rõ rệt, đặc biệt sau năm 2015; (ii) Các từ khóa và chủ đề nghiên cứu chủ đạo bao gồm quản lý nguồn lực, hợp tác nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, cho thấy sự quan tâm của cộng đồng khoa học đến việc ứng dụng các giải pháp bền vững trong giáo dục; (iii) Mạng lưới hợp tác giữa các tác giả đến

từ nhiều quốc gia (Tây Ban Nha, Brazil, Vương quốc Anh, là những quốc gia dẫn đầu về công bố có liên quan) là yếu tố then chốt thúc đẩy sự phát triển và lan tỏa của các nghiên cứu trong lĩnh vực này. Kết quả phân tích không chỉ củng cố cơ sở lý thuyết về phát triển bền vững mà còn mở ra nhiều hướng nghiên cứu mới, nhất là việc kết hợp giữa phân tích định lượng và định tính để đánh giá tác động thực tiễn của các chính sách giáo dục. Dựa trên những phát hiện của nghiên cứu, một số khuyến nghị được đề xuất nhằm thúc đẩy phát triển bền vững trong các trường đại học:

Đối với các cơ quan quản lý nhà nước: Xây dựng các chính sách khuyến khích hợp tác nghiên cứu và trao đổi học thuật giữa các trường đại học, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển giao công nghệ và ứng dụng các giải pháp phát triển bền vững; Hỗ trợ tài chính và kỹ thuật cho các dự án nghiên cứu có tính ứng dụng cao trong lĩnh vực giáo dục đại học và phát triển bền vững; Qua đó, các bên liên quan có thể cùng nhau tạo nên một hệ sinh thái nghiên cứu và đào tạo phát triển bền vững, góp phần giải quyết các vấn đề môi trường, kinh tế và xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Đối với các nhà quản lý và lãnh đạo trường đại học: Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo tích hợp các yếu tố bền vững, kết hợp giữa kiến thức chuyên ngành và các kỹ năng giải quyết vấn đề đa chiều; Khuyến khích hợp tác liên ngành giữa các khoa và giữa các trường đại học trong nước và quốc tế nhằm lan tỏa các sáng kiến bền vững; Đầu tư vào hạ tầng và công nghệ nhằm tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực, giảm thiểu tác động môi trường và thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Trên cơ sở các mục tiêu phát triển bền vững các cơ sở giáo dục có thể cân nhắc tham gia các bảng xếp hạng về đại học bền vững như Impact Rankings do Times Higher Education (THE), World Ranking Sustainability (QS). Căn cứ vào chiến lược và thế mạnh mỗi cơ sở giáo dục đại học có thể xác định một số mục tiêu trong 17 mục tiêu phát triển bền vững.

Đối với cộng đồng nghiên cứu: Tiếp tục ứng dụng và phát triển các công cụ phân tích trắc lượng thư mục kết hợp với phân tích định tính để tạo ra các bản đồ kiến thức toàn diện; Tăng cường hợp tác nghiên cứu, chia sẻ dữ liệu và kinh nghiệm giữa các nhóm nghiên cứu trong và ngoài nước để giải quyết các vấn đề còn tồn tại trong lĩnh vực phát triển bền vững; Nghiên cứu sâu hơn về tác động của các chương trình đào tạo và chính sách phát triển bền vững đến sự phát triển của các trường đại học, từ đó đưa ra các mô hình ứng dụng thực tiễn.

Tuy nhiên, có một vài hạn chế đối với nghiên cứu trắc lượng thư mục này. Đầu tiên, dữ liệu được trình bày chỉ giới hạn trong cơ sở dữ liệu *Scopus*, tức là một phần mẫu xuất bản toàn cầu trong chủ đề này và nghiên cứu khoa học về dự kiến sẽ lớn hơn đáng kể. Thứ hai, dữ liệu trong nghiên cứu này là từ năm 2015 đến 2024 và các nghiên cứu mới được công bố gần như mỗi ngày.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Pizzi S., Caputo A., Corvino A., Venturelli A., "Management research and the UN sustainable development goals (SDGs): A bibliometric investigation and systematic review," *Journal of Cleaner Production*, 276, 124033, 2020. <https://doi.org/https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2020.124033>.
- [2]. Prieto-Jiménez E., López-Catalán L., López-Catalán B., Domínguez-Fernández G., "Sustainable development goals and education: A bibliometric mapping analysis," *Sustainability*, 13(4), 2126, 2021. <https://doi.org/https://doi.org/10.3390/su13042126>.
- [3]. Maryanti R., Rahayu N. I., Muktiarni M., Al Huseaini D. F., Hufad A., Sunardi S., Nandiyanto A. B. D., "Sustainable development goals (SDGs) in science education: Definition, literature review, and bibliometric analysis," *Journal of Engineering Science and Technology*, 17, 161-181, 2022.
- [4]. Donthu N., Kumar S., Pandey N., Pandey N., Mishra A., "Mapping the electronic word-of-mouth (eWOM) research: A systematic review and bibliometric analysis," *Journal of Business Research*, 135, 758-773, 2021.
- [5]. Tremblay D., Fortier F., Boucher J. F., Riffon O., Villeneuve C., "Sustainable development goal interactions: An analysis based on the five pillars of the 2030 agenda," *Sustainable Development*, 28(6), 1584-1596, 2020. <https://doi.org/https://doi.org/10.1002/sd.2107>.
- [6]. Belmonte-Ureña L. J., Plaza-Úbeda J. A., Vazquez-Brust D., Yakovleva N., "Circular economy, degrowth and green growth as pathways for research on sustainable development goals: A global analysis and future agenda," *Ecological economics*, 185, 107050, 2021. <https://doi.org/https://doi.org/10.1016/j.ecolecon.2021.107050>.
- [7]. Romanelli J. P., Gonçalves M. C. P., de Abreu Pestana L. F., Soares J. A. H., Boschi R. S., Andrade D. F., "Four challenges when conducting bibliometric reviews and how to deal with them," *Environmental Science and Pollution Research*, 1-11, 2021. <https://doi.org/https://doi.org/10.1007/s11356-021-16420-x>.
- [8]. Dabić M., Daim T., Garces E., "Product and process innovation in manufacturing firms: a 30-year bibliometric analysis," *Scientometrics*, 113, 673-704, 2017. <https://doi.org/https://doi.org/10.1007/s11192-017-2500-1>.

[9]. Cobo M. J., López-Herrera A. G., Herrera-Viedma E., Herrera F., "Science mapping software tools: Review, analysis, and cooperative study among tools," *Journal of the American Society for Information Science and Technology*, 62(7), 1382-1402, 2011. <https://doi.org/https://doi.org/10.1002/asi.21525>.

[10]. Annesley T. M., "The title says it all," *Clinical Chemistry*, 56(3), 357-360, 2010.

[11]. Jamali H. R., Nikzad M., "Article title type and its relation with the number of downloads and citations," *Scientometrics*, 88(2), 653-661, 2011. <https://doi.org/https://doi.org/10.1007/s11192-011-0412-z>.

[12]. Ahmi A., Mohd Nasir M. H., "Examining the trend of the research on extensible business reporting language (XBRL): A bibliometric review," *International Journal of Innovation, Creativity and Change*, 5(2), 1145-1167, 2019.

AUTHORS INFORMATION

Tran Thi Kim Ngoc, Dang Ngoc Hung, Nguyen Van Linh

Hanoi University of Industry, Vietnam